

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03 -6 -2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Hương

2. Ông Nguyễn Văn Đại.

- Thư ký phiên toà: ông Hoàng Đức Định – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà: không thuộc trường hợp tham gia phiên toà .

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2022/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 2 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 /4 /2022, thông báo mở lại phiên toà ngày 19/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1958. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Hữu L, sinh năm 1961.(vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn T, xã T , huyện Y, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/2/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Phạm Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với ông Lê Hữu L trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Phú Thọ ngày 26/3/2004. Sau khi kết hôn chúng tôi chuyển về ở tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian khoảng từ 05 năm đến 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên thường xảy ra xô sát mặc dù đã tìm cách khắc phục nhưng không được. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Lời khai của bị đơn: Lê Hữu L về địa điểm và thời gian kết hôn như trình bày của bà D tôi công nhận. Đến năm 2018 do tôi bị tai nạn giao thông nên sức khoẻ yếu, nên vợ tôi làm đơn ly hôn với tôi; tôi đồng ý ly hôn với điều kiện phải chia tài sản chung của vợ chồng xong tôi mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung: Tôi yêu cầu chia tài sản chung về tài sản cụ thể yêu cầu chia tôi xin cung cấp cho toà sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông Lê Hữu L có hộ khẩu tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái. Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

Bị đơn: Ông Lê Hữu L trong quá trình giải quyết đã có lời khai tại Tòa án và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng mới đồng ý ly hôn. Tòa án yêu cầu ông L cung cấp chứng cứ về tài sản để Tòa án làm cơ sở giải quyết theo pháp luật nhưng ông L không nộp. Tòa án tổng đạt hợp lệ cho ông L những văn bản tố tụng cho ông hết thời hạn ông L không có mặt, vậy xác định ông L từ bỏ yêu cầu của mình. Tòa án tiếp tục giải quyết theo qui định của pháp luật, nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Y xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Bà Phạm Thị Kim D và ông Lê Hữu L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Phú Thọ ngày 26/3/2004, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông L nhiều lần để hoà giải giữa hai vợ chồng nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do thể hiện việc ông L không có thiện chí hoà giải. Ông L đã có lời khai tại Tòa án thể hiện ông đồng ý ly hôn với bà Duyên nhưng với điều kiện phải chia xong tài sản chung. Khi có yêu cầu của ông L Tòa án đã yêu cầu ông L kê khai tài sản chung để làm căn cứ để chia. Nhưng hết thời hạn Tòa án yêu cầu ông L không cung cấp cho Tòa những chứng cứ. Nên xác định ông L từ bỏ yêu cầu trên, Tòa án căn cứ điểm e, khoản

1, Điều 192, khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 194 Bộ luật tố tụng dân sự đã thông báo cho ông L biết và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xác định nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa bà D với ông L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho bà D được ly hôn với ông L.

[3] *Về con chung*: Bà Phạm Thị Kim D và ông Lê Hữu L không có con chung

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà Phạm Thị Kim D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị Kim D được ly hôn với ông Lê Hữu L.

2. *Về án phí*: Bà Phạm Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số 0001602 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (bà D đã nộp đủ án phí).

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Y;
- THA DS huyện Y
- Các đương sự;
- UBND xã, Phú Thọ;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Kim Sơn

